

TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21.5.2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thanh Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Vũ Thị Lệ Thủy** và ông **Nguyễn Văn Đồi**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hương Trà** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Quyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-HPT ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*\*Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 2001; Địa chỉ: **D N**, phường **N**, quận **S**, TP Đà Nẵng. *Có mặt*

*\*Bị đơn:* ông **Huỳnh Ngọc O**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **K đường P**, phường **M**, quận **S**, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thúy N** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông **Huỳnh Ngọc O** kết hôn năm 2023 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **N**, quận **S**, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại **P**, quận **S**, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và tính tình không phù hợp, hai bên đã nhiều lần xảy ra xung đột. Chúng tôi đã ly thuận từ tháng 7/2023 đến nay, tôi đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ thời điểm đó. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hòa giải nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết tôi được ly hôn với ông **O**

- Về con chung: tôi và ông **Huỳnh Ngọc O** có 01 con chung là **Huỳnh Ngọc V**, sinh ngày 21.12.2022. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông **O** cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

**\* Bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng ông Huỳnh Ngọc O trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với bà N về thời gian và điều kiện kết hôn, đối với việc bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý, đề nghị Tòa án công nhận cho chúng tôi thuận tình ly hôn.

-Về con chung: tôi xác nhận, tôi và bà N có 01 con chung là Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 21.12.2022. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay tôi có điều kiện kinh tế tốt hơn, có thu nhập và nhà ở ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn bà N. Nếu được Tòa án giao cho nuôi con thì tôi yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

-Về tài sản chung và nợ chung: tôi xác nhận không có.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**-Về nội dung vụ án:**

+Về hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Huỳnh Ngọc O cuộc sống hôn nhân thực tế không còn tồn tại, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy N.

+Về con chung: bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Huỳnh Ngọc O xác nhận có 01 con chung là Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 21.12.2022. Hiện con chung đang ở với mẹ nên cần giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên không xem xét

+Về tài sản chung, nợ chung: bà N và ông O xác định không có nên không xem xét giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1].Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Huỳnh Ngọc O thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211

của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 14.5.2024 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc O, nhưng ông Huỳnh Ngọc O vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Ngọc O.

**[2] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà bà Nguyễn Thị Thúy N thì thấy:

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Huỳnh Ngọc O kết hôn vào năm 2023 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Theo bà N trình bày: Nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là bất đồng quan điểm luôn xảy ra xung đột, hiện nay đã không còn sống chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông O.

Bị đơn ông O cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là hiện nay đã không còn chung sống và ông đồng ý ly hôn. Mặc dù đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải và mở phiên tòa lần thứ nhất để các bên có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông O đã vắng mặt không có lý do nên không có cơ sở để công nhận việc thuận tình ly hôn.

Theo đơn xác nhận tại UBND phường M, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông O mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ, chỉ biết hiện nay bà N đã cùng con dọn về nhà mẹ ruột của bà N sinh sống. HĐXX xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông O đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

**[2.2]. Về quan hệ con chung:** bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Huỳnh Ngọc O xác nhận có 01 con chung là Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 21.12.2022. Bà N có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết ông O đề nghị xin được nuôi con chung và yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy con chung hiện đang được bà N, con chung dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho mẹ nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N không yêu cầu ông O cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xét.

**[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung:** bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Huỳnh Ngọc O khai nhận không có nên không xét.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

**[2.4] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thúy N phải nộp.

Vì các lẽ trên;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.**Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy N đối với ông Huỳnh Ngọc O

Tuyên xử: bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2001 được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc O, sinh năm 1985.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17 của UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 24.02.2023 không còn giá trị pháp lý.

**2.** Về con chung: Tuyên giao con chung là Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 21.12.2022 cho bà Nguyễn Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Thúy N không yêu cầu ông Huỳnh Ngọc O cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thúy N phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001917 ngày 26.3.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, bà N đã nộp đủ án phí theo quy định của pháp luật.

**5.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND p. Nại Hiên Đông Thọ Quang  
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**